

***TÓM TẮT ĐIỀU LỆ
CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI***

1. Giới thiệu chung

Sau khi nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Ngân hàng sau sáp nhập là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB). Do đó, tổ chức và hoạt động của Ngân hàng sau sáp nhập sẽ được thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng SHB. Bản Điều lệ của Ngân hàng SHB được xây dựng đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật sau:

- Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Doanh nghiệp được ban hành năm 2005;
- Luật Chứng khoán ban hành năm 2006 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2010) điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng với tư cách là tổ chức niêm yết.

2. Nội dung cơ bản của Điều lệ của Ngân hàng sau sáp nhập (SHB)

2.1. Về vốn Điều lệ của Ngân hàng

- Vốn Điều lệ của SHB là 8.865.795.470.000 đồng (tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), được chia thành 886.579.547 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).

2.2. Về mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động

Điều 3 Điều lệ quy định:

- ***Lĩnh vực kinh doanh của SHB:*** Kinh doanh tiền tệ, vàng, chứng khoán, ngoại hối và dịch vụ ngân hàng.
- ***Mục tiêu của SHB:***
 - Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông trong điều kiện pháp luật không cấm.
 - Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một ngân hàng có uy tín và hiệu quả, mang lại lợi ích cho cổ đông, cán bộ nhân viên và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

- ***Phạm vi kinh doanh và hoạt động của SHB:***

Các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của SHB quy định tại Điều lệ này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn. SHB không tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật

2.3. Nội dung hoạt động của SHB

Tại Chương II của Điều lệ quy định nội dung các hoạt động của SHB, bao gồm toàn bộ các hoạt động ngân hàng thương mại được phép thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm:

- (i) Huy động vốn,
- (ii) Cấp tín dụng,
- (iii) Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ,
- (iv) Góp vốn, mua cổ phần,
- (v) Tham gia thị trường tiền tệ,
- (vi) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh,
- (vii) Ủy thác, nhận ủy thác và đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng,
- (viii) Các hoạt động kinh doanh khác:
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
 - Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - Kinh doanh chứng khoán, kinh doanh vàng;
 - Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2.4. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông (Mục 1 Chương IV)

a) Về Cổ đông và quyền của Cổ đông

Cổ đông là chủ sở hữu cổ phần của Ngân hàng. Phù hợp với quy định của Luật TCTD 2010 và Luật Doanh nghiệp 2005, Điều lệ Ngân hàng quy định cổ đông phổ thông của Ngân hàng có các quyền sau:

- (i) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- (ii) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong SHB;
- (iv) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của SHB hoặc cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- (v) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- (vi) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ SHB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- (vii) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần nắm giữ tại SHB khi SHB giải thể hoặc phá sản;
- (viii) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;...

Theo Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Ngân hàng, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên còn có các quyền sau:

- (i) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 5, Điều 58 của Điều lệ này;
- (ii) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp: Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

b) Về Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Ngân hàng, Điều 32 Điều lệ Ngân hàng quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Luật TCTD 2010.

- ***Về thể thức mời họp Đại hội đồng cổ đông***, Điều 34 Điều lệ Ngân hàng quy định việc gửi thông báo mời họp cho cổ đông được thực hiện theo các phương thức khác nhau đối với từng đối tượng cổ đông. Theo đó, đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu của Ngân hàng, thông báo mời họp có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Ngân hàng, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu, ngoài phương thức thông thường là chuyển tận tay hoặc gửi bằng thư bảo đảm, thông báo mời họp còn có thể gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử của cổ đông.

Quy định về phương thức mời họp Đại hội đồng nêu trên phù hợp với đặc điểm của Ngân hàng là một tổ chức đã thực hiện niêm yết cổ phiếu với cơ cấu cổ đông đại chúng, đảm bảo thông tin được truyền đạt đến cổ đông thuận tiện và nhanh nhất.

- ***Về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông***, Điều 36 Điều lệ Ngân hàng quy định như sau:
 - (i) Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ***ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết***.
 - (ii) Trường hợp phiên họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành họp theo quy định tại khoản 1, Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ***ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết***.

- (iii) Trường hợp phiên họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2, Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, phiên họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Về tỷ lệ biểu quyết để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 Điều lệ quy định:

- (i) Đối với các vấn đề thông thường: phải được số cổ đông đại diện từ ***trên 51%*** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên chấp thuận.
- (ii) Đối với quyết định về các vấn đề đặc biệt (bao gồm: Sửa đổi bổ sung Điều lệ; phương án thay đổi mức vốn điều lệ, phương án chào bán cổ phần; đầu tư mua bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất; chia tách, sáp nhập, hợp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng): phải được số cổ đông đại diện ***trên 65%*** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2.5. Về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Mục 2 Chương IV)

- Mục 2 và Mục 6 Chương IV Điều lệ Ngân hàng quy định chung về các chức danh quản lý Ngân hàng, bao gồm các nội dung sau:
 - (i) Những người không được giữ chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc của Ngân hàng;
 - (ii) Những trường hợp không được đảm nhiệm các chức vụ nêu trên;
 - (iii) Những trường hợp đương nhiên mất tư cách/miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;
 - (iv) Quy trình, thủ tục bầu các chức danh quản lý nêu trên;
 - (v) Nghĩa vụ, trách nhiệm của các chức danh quản lý Ngân hàng.
- Tại Mục 3 Chương IV, Điều lệ Ngân hàng quy định các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề của thành viên HĐQT;
 - (ii) Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT;
 - (iii) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT;
 - (iv) Phương thức hoạt động của HĐQT, thể thức thông qua quyết định của HĐQT;
 - (v) Thủ tục thay thế thành viên HĐQT;
- Tại Mục 4 Chương IV, Điều lệ Ngân hàng quy định về Tổng giám đốc của Ngân hàng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng giám đốc;

- (ii) Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc;
- (iii) Thù lao của Tổng giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành.
- Về Ban kiểm soát, Mục 5 Chương IV của Điều lệ quy định các vấn đề sau:
 - (i) Điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát, nguyên tắc đề cử;
 - (ii) Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát;
 - (iii) Phương thức hoạt động của BKS, thể thức thông qua quyết định của BKS;
 - (iv) Thủ tục thay thế thành viên BKS;
 - (v) Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát;

2.6. Hệ thống kiểm toán và kiểm tra, kiểm soát nội bộ (Điều 75)

Điều lệ Ngân hàng quy định Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để thực hiện các mục tiêu sau đây: (i) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; (ii) Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; (iii) Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

Đồng thời, Điều lệ cũng quy định Ngân hàng thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ chuyên trách trực thuộc Ban kiểm soát để thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

2.7. Chế độ báo cáo và cung cấp thông tin (Chương VI)

Tại Chương VI, Điều lệ Ngân hàng quy định thời hạn, loại báo cáo định kỳ và bất thường mà Ngân hàng phải thực hiện cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Ngân hàng Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán; quy định trách nhiệm công bố thông tin của Ngân hàng ra công chúng theo quy định của pháp luật.

2.8. Giải quyết tranh chấp nội bộ (Chương VIII)

Điều lệ quy định nguyên tắc giải quyết các tranh chấp trong nội bộ Ngân hàng, bao gồm tranh chấp giữa Cổ đông với Ngân hàng, tranh chấp giữa Cổ đông với người quản lý điều hành Ngân hàng. Theo đó, các tranh chấp trước hết được giải quyết thông qua hòa giải, nếu không hòa giải được, bất cứ bên nào cũng có quyền đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

Trên đây là tóm tắt một số nội dung cơ bản trong Dự thảo Điều lệ của Ngân hàng SHB sau sáp nhập. Toàn văn Dự thảo Điều lệ này được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (địa chỉ: www.shb.com.vn) để Quý vị cổ đông xem xét chi tiết.